|  |  |
| --- | --- |
| PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THỊ XÃ THUẬN AN**TRƯỜNG THCS TRỊNH HOÀI ĐỨC**Số: /BC- THCSTHĐ | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *An Thạnh, ngày tháng 7 năm 2018* |

**BÁO CÁO**

**Rà soát, bổ sung và điều chỉnh chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2016-2020**

**Năm học 2017-2018**

**A. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC 03 NĂM 2015-2017**

**I. Về hiệu quả**

**1. Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác giáo dục học sinh**

Trường THCS Trịnh Hoài Đức sau 3 năm thực hiện chiến lược phát triển nhà trường (2015-2016, 2016-2017, 2017-2018) đã nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục toàn diện, đặc biệt là chất lượng giáo dục đạo đức và chất lượng văn hoá. Đổi mới phương pháp dạy học và đánh giá học sinh phù hợp với mục tiêu, nội dung chương trình và đối tượng học sinh. Đổi mới các hoạt động giáo dục, hoạt động NGLL, gắn học với hành, lý thuyết với thực tiễn; giúp học sinh có được những kỹ năng sống cơ bản. Kết quả cụ thể:

**\* Năm học 2015-2016**

+ Kết quả học sinh giỏi các cấp, các kỳ thi Olympic:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung thi** | **Đạt cấp thị** | **Đạt cấp tỉnh** | **Cấp khu vực, Quốc gia** |
| + Thi HSG giải toán trên MTCT casio | 1 học sinh được công nhận | 1 hs đạt giải KK |  |
| + HSG olympic văn Sao Khuê 7, 8  | K7: 5 giải cá nhânK8: 1 giải cá nhân1 giải nhất tập thể |  |  |
| + Thực hành Lý-Hóa-Sinh | 1 nhất Hóa, 1 nhì Hóa | 1 giải KK Hóa |  |
| + HSG olympic Toán Lương Thế Vinh 7,8 | Khối 7: 1I, 1II, 4 CNKhối 8: 1I, 2II, 3 CN1 giải I tập thể |  |  |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| + HSG toán qua mạng (Violympic) tiếng Việt | K6: 1I, 1III, 7 KKK7: 1I, 1II, 1III, 6KKK8: 1I, 1II, 6KKK9: 1III, 4 KK |  |  |
| + HSG toán qua mạng (Violympic) tiếng Anh | K9: 1I; 1IIK8: 1I; 1II, 1III, 15 KK |  |  |
| + HSG Anh qua mạng (IOE) | K6: 1I, 1II, 1III, 3KKK7: 1II, 3 KKK8: 1I, 1II, 4KKK9: 3 KK |  |  |
| + HSG THCS khối 9 |  | 1 Giải I Sinh, 1 Giải I Sử; 1 giải II Tin; 4 giải KK gồm: (1 Anh, 1 Hóa, 1 Sinh, 1 Tin) |  |
| + HSG Kỹ Thuật | Móc: 1I; Tin: 1I, 1II; Điện: 1KK  | 1 giải KK điện |  |
| + Olympic tiếng Anh | 1I, 1 KK, 5 CN1 giải I tập thể | 2 giải KK |  |
| + TDTT- HKPĐ | Nhất toàn đoànCá nhân: 12 Nhất, 9 Nhì, 8 BaTập thể: 2II, 4III | Cá nhân tỉnh:17 HCV, 6 HCB9 HCĐ | Khu vực: 1HCB, 6HCĐ |

**+** Kết quả hai mặt giáo dục:

Hạnh kiểm:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| TS HS | Tốt (%) | Khá (%) | TB (%) | Yếu (%) |
| **2837** | 2366 (83,4%) | 420 (14,8%) | 51 (1,8%) | 0 |

Học lực:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TS HS | Giỏi (%) | Khá (%) | TB (%) | Yếu (%) | Kém (%) |
| 2373 | 549 | 683 | 1006 | 54 | 81 |
| 23,1% | 28,8% | 42,4% | 2,3% | 3,4% |

+ Kết quả TNTHCS: 96.9%

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Số học sinh | Số TN | Giỏi | Khá | TB |
| TS | % | TS | % | TS | % | TS | % |
| 544 | 527 | 96,9 | 107 | 20,3 | 159 | 30,2 | 261 | 49,5 |

**\* Năm học 2016-2017**

+ Kết quả học sinh giỏi các cấp, các kỳ thi Olympic:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung thi** | **Đạt cấp thị** | **Đạt cấp tỉnh** | **Khu vực, QG** |
| + HSG olympic văn Sao Khuê 7, 8  | K7: 1 giải IIIK8: 1 giải III  |  |  |
| + HSG Olympic Toán Lương Thế Vinh 7,8 | Khối 7: 2 giải (1 KK, 1 CN)  |  |  |
| + Thực hành L-H-S | 1 II (Hóa); 1 III (sinh)  | 1 KK môn hóa |  |
| + HSG toán qua mạng (Violympic) tiếng Việt | K6: 1 KKK7: 1 III, 3 KK K9: 3 KK  |  |  |
| + HSG Anh qua mạng (IOE) | K7: 1 KK ; K8: 1 KKK9: 1 giải I  |  | 1 giải Bạc toàn quốc của khối 9 |
| + HSG Lý qua mạng: | K6: 1 III; 2 KK K7: 2 KK K9: 3 KK |  |  |
| + KH-KT Intel icef | 3 công nhận  | 1 III; 1 KK |  |
| + Kiến thức liên môn | 1 giải II  |  |  |
| + HSG THCS khối 9 |  | 2 III (Anh, Sử); 2 KK (GDCD) |  |
| + HSG Kỹ Thuật | 3 I, 1 II , 1 KK  | 3 KK (1 Điện, 1 Tin,1 móc) |  |
| + Tin học trẻ | Cá nhân: 1 KKGiải III tập thể |  |  |
| + Olympic tiếng Anh | 1 KK, 3 CN  | 1 nhất; 1 KK |  |
| + TDTT- HKPĐ | Giải II toàn đoànĐồng đội: 1 II; 2 IIIcá nhân: 5I; 8II; 7III | Cá nhân cấp tỉnhHCV: 3, HCB: 1HCĐ: 3 |  |

+ Chất lượng hai mặt giáo dục

Hạnh kiểm:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| TS HS | Tốt (%) | Khá (%) | TB (%) | Yếu (%) |
| **2373** | 1917 (80,8%) | 431 (18,2%) | 25 (1,0%) | 0 |

Học lực:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TS HS | Giỏi (%) | Khá (%) | TB (%) | Yếu (%) | Kém (%) |
| **2373** | **549** | **683** | **1006** | **54** | **81** |
| 23,1% | 28,8% | 42,4% | 2,3% | 3,4% |

+ Kết quả TNTHCS: 92.1%

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| TS HS | TS TN | Giỏi | Khá | TB |
| TS | % | TS | % | TS | % | TS | % |
| 429 | 395 | 92,1 | 73 | 18,5 | 142 | 35,9 | 180 | 45,6 |

**\* Năm học 2017-2018**

+ Kết quả học sinh giỏi các cấp, các kỳ thi Olympic:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung thi** | **Đạt cấp thị** | **Đạt cấp tỉnh** | **Khu vực, QG** |
| + HSG olympic văn Sao Khuê 7, 8  | K7: 1 giải KKK8: 1 giải I; 1 KK Giải II tập thể  | Không tổ chức |  |
| + HSG Olympic Toán Lương Thế Vinh 7,8 | Khối 8: 1 KK  |  |  |
| + Thực hành L-H-S | 1 II (Hóa); 2 KK (sinh)  |  |  |
| + Tin học trẻ | 1 công nhận |  |  |
| + KH-KT Intel icef | 1 giải III; 1 giải KK  |  |  |
| + HSG THCS khối 9 |  | 1 II (GDCD); 3 KK (Văn, Sử, Lý) |  |
| + HSG Kỹ Thuật | 3 I, 1 II , 1 KK  | 3 KK (1 Điện, 1 Tin,1 móc) |  |
| + Olympic tiếng Anh | 1 giải III; 3 công nhận, III toàn đoàn. |  |  |
| + TDTT- HKPĐ | Giải I toàn đoànTT: 2 I; 2 II; 2 IIIcá nhân: 4 I; 10 II; 16 III | Cá nhân cấp tỉnhHCV: 2, HCB: 5HCĐ: 3 |  |

+ Chất lượng hai mặt giáo dục

Hạnh kiểm:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| TS HS | Tốt (%) | Khá (%) | TB (%) | Yếu (%) |
| 2709 | 2200 (81,2%) | 482 (17,8%) | 27 (1,0%) | 0 |

Học lực:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TS HS | Giỏi (%) | Khá (%) | TB (%) | Yếu (%) | Kém (%) |
| **2709** | **684** | **792** | **1089** | **54** | **90** |
| 25,3% | 29,2% | 40,2% | 2,0% | 3,3% |

+ Kết quả TNTHCS: 98,0%

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| TS HS | TS TN | Giỏi | Khá | TB |
| TS | % | TS | % | TS | % | TS | % |
| 592 | 580 | 98,0 | 116 | 20,0 | 160 | 27,6 | 304 | 52,4 |

**2. Xây dựng và phát triển đội ngũ**

Xây dựng đội ngũ cán bộ, giáo viên đủ về số lượng; có phẩm chất chính trị; có năng lực chuyên môn khá giỏi; có trình độ tin học, có phong cách sư phạm mẫu mực. Đoàn kết, tâm huyết, hợp tác, biết chia sẽ, có trách nhiệm, gắn bó với sự phát trển nhà trường. Cụ thể như sau:

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Năm học | sốCBGVNV | Nữ | Đảng viên | Trình độ chuyên môn | Tr.độ C.trị | QLGD | QLNN |
| ThS | ĐH | CĐ | Tr/c | Không ĐT | Tr/cấp | Cao cấp |
| 2015-2016 | 155 | 123 | 38 | 2 | 116 | 27 | 4 | 6 | 5 |  | 7 | 5 |
| 2016-2017 | 122 | 99 | 26 | 2 | 92 | 23 | 2 | 3 | 3 |  | 3 | 2 |
| 2017-2018 | 125 | 100 | 24 | 3 | 95 | 22 | 2 | 3 | 3 |  | 4 | 3 |

Trình độ tin học và ngoại ngữ:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Năm học | Tổng sốCBGVNV | Nữ | Trình độ tin học | Trình độ N.ngữ |
| A | B | KTV | ĐH | A | B | CĐ | ĐH |
| 2015-2016 | 155 | 123 | 104 | 35 | 2 | 3 | 66 | 59 | 2 | 5 |
| 2016-2017 | 122 | 99 | 81 | 33 | 2 | 3 | 45 | 64 | 1 | 2 |
| 2017-2018 | 125 | 100 | 78 | 40 |  | 3 | 51 | 65 |  | 1 |

Tổ chức bồi dưỡng, tập huấn cho cán bộ quản lý, giáo viên đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ năm học; tăng cường nền nếp, kỷ cương và chất lượng, hiệu quả công tác trong nhà trường. Thực hiện có hiệu quả các cuộc vận động, các phong trào thi đua của ngành bằng những hoạt động thiết thực, hiệu quả, phù hợp điều kiện địa phương, gắn với việc đổi mới hoạt động giáo dục của nhà trường, rèn luyện phẩm chất chính trị, đạo đức cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh.

+ 2015-2016: Có 98,6% cán bộ QL và giáo viên có trình độ đạt chuẩn và vượt chuẩn, trong đó trên chuẩn 80,1%. 2 giáo viên có trình độ thạc sĩ (1,4%), 2 GV đang tham gia học cao học, 8 GV đang theo học Đại học.

+ 2016-2017: Có 116/117 cán bộ QL và giáo viên có trình độ đạt chuẩn và vượt chuẩn (99,1%), trong đó trên chuẩn là 92/117 (78,6%); 02 giáo viên có trình độ thạc sĩ (1,7%), 1 GV đang tham gia học cao học tự túc, 03 GV đang theo học Đại học.

+ 2017-2018: Có 99,2% (119/120) cán bộ QL và giáo viên có trình độ đạt chuẩn và vượt chuẩn, trong đó trên chuẩn 78,3%. 3 giáo viên có trình độ thạc sĩ (2,5%), 1 BGH đang tham gia học cao học, 03 GV đang theo học Đại học.

Thực hiện đánh giá theo chuẩn, việc đánh giá phản ảnh đúng năng lực thực tế của cán bộ quản lý và giáo viên:

Đánh giá CBCCVC:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Năm học | Số CBGVNV | Đánh giá CBCCVC |
| HTXSNV | HTTNV | HTNV | Không HTNV |
| 2015-2016 | 155 | 8 (5,2%) | 59 (38,1%) | 88 (56,8%) | 0 |
| 2016-2017 | 122 | 12 (10%) | 40 (33%) | 70 (57%) | 0 |
| 2017-2018 | 125 | 28 (22,4%) | 84 (67,2%) | 13 (10,4%) | 0 |

Chuẩn nghề nghiệp:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Năm học | Số BGH, GV được đánh giá | Đánh giá Chuẩn nghề nghiệp |
| Xuất sắc | Khá | T.Bình | Kém (Chưa đạt chuẩn) |
| BGH | GV | BGH | GV | BGH | GV | BGH | GV |
| 2015-2016 | 139 | 4 | 35 | 0 | 96 | 0 | 4 | 0 | 0 |
| 2016-2017 | 114 | 3 | 20 | 0 | 91 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 2017-2018 | 115 | 3 | 62 | 0 | 50 | 0 | 0 | 0 | 0 |

**3. Cơ sở vật chất và trang thiết bị giáo dục**

Thực hiện rà soát quy hoạch mạng lưới trường lớp: thường xuyên kiểm tra cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học để thực hiện đầu tư, mua sắm, sửa chữa phòng học, phòng chức năng đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng dạy học; gắn đầu tư, mua sắm, sửa chữa với sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất, trang thiết bị và đặc biệt là gắn với bồi dưỡng đội ngũ giáo viên, chuẩn bị tốt cho việc thực hiện chương trình giáo dục phổ thông mới.

Cơ sở vật chất của trường tiếp tục được cải tạo khang trang, có tính sư phạm, mỹ thuật và thân thiện. Một số bàn ghế học sinh không đạt chuẩn đã được thay mới.

Xây dựng cơ sở vật chất trang thiết bị giáo dục theo hướng chuẩn hoá, hiện đại hoá. Bảo quản và sử dụng hiệu quả, lâu dài.

Người phụ trách: Hiệu trưởng, phó Hiệu trưởng phụ trách cơ sở vật chất và trang thiết bị giáo dục; kế toán, nhân viên thiết bị có tâm huyết tận tâm với công việc được giao.

**4. Ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin**

 Nhà trường đã triển khai rộng rãi việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, giảng dạy, xây dựng kho học liệu điện tử, thư viện điện tử, nguồn tài nguyên mở… Góp phần nâng cao chất lượng quản lý, dạy và học. Động viên cán bộ, giáo viên, NV tự học hoặc theo học các lớp bồi dưỡng để sử dụng được máy tính phục vụ cho công việc.

**5. Huy động mọi nguồn lực xã hội vào hoạt động giáo dục**

Xây dựng nhà trường văn hoá, thực hiện tốt quy chế dân chủ trong nhà trường. Chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho cán bộ, giáo viên, CNV.

Huy động được các nguồn lực của xã hội, cá nhân tham gia vào việc phát triển nhà trường. Sử dụng hiệu quả nguồn kinh phí NSNN kết hợp với các nguồn huy động hợp pháp khác để tăng cường trang bị cơ sở vật chất, thiết bị dạy học.

Thực hiện tốt công tác tuyên truyền đến cộng đồng, tạo niềm tin, sự tín nhiệm của phụ huynh học sinh. Có kế hoạch thực hiện hiệu quả giải pháp xã hội hóa, giáo dục để tổ chức các hoạt động dạy học, đầu tư cơ sở vật chất trường lớp, đầu tư trang thiết bị hiện đại phù hợp với yêu cầu phát triển của nhà trường nhằm đáp ứng nhu cầu của cha mẹ học sinh và xã hội. Huy động được các nguồn lực của xã hội, cá nhân tham gia vào việc phát triển Nhà trường.

Phối hợp chặt chẽ với Hội Khuyến học thị xã, phường và các ban ngành triển khai thực hiện có hiệu quả phong trào khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập. Thực hiện đầy đủ và kịp thời các chế độ chính sách ưu đãi đối với học sinh diện chính sách, học sinh có hoàn cảnh khó khăn.

**6. Xây dựng thương hiệu**

- Nhà trường đã xây dựng thương hiệu và tín nhiệm của xã hội đối với nhà trường.

- Xác lập tín nhiệm thương hiệu đối với từng cán bộ giáo viên, CNV, học sinh và PHHS.

- Đẩy mạnh tuyên truyền, xây dựng truyền thống nhà trường, nêu cao tinh thần trách nhiệm của mỗi thành viên đối với quá trình xây dựng thương hiệu của nhà trường.

- Củng cố, nâng cao các tiêu chí của tiêu chuẩn trường chuẩn Quốc gia và phấn đấu đạt chất lượng giáo dục của tiêu chuẩn chất lượng nhà trường.

**II. Khó khăn và tồn tại**

Đội ngũ giáo viên, công nhân viên: Một bộ phận nhỏ giáo viên chưa thực sự đáp ứng được yêu cầu đổi mới giảng dạy hoặc quản lý, giáo dục học sinh.

Chất lượng học sinh: còn học sinh có học lực yếu, thái độ học tập, rèn luyện chưa tốt.

Cơ sở vật chất: Chưa đồng bộ, hiện đại;

**III. Xác định các vấn đề ưu tiên**

Đổi mới phương pháp dạy học và đánh giá học sinh theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của mỗi học sinh, tăng cường tin học, ngoại ngữ đáp ứng yêu cầu hội nhập trong khu vực.

Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, giáo viên, công nhân viên theo chuẩn của Bộ GD-ĐT

Ứng dụng CNTT trong dạy – học và công tác quản lý.

Áp dụng các chuẩn vào việc đánh giá hoạt chất lượng nhà trường về công tác quản lý, giảng dạy.

**B. PHƯƠNG HƯỚNG ĐIỀU CHỈNH CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN NHÀ TRƯỜNG CHO GIAI ĐOẠN TIẾP THEO**

**I. Phổ biến kế hoạch chiến lược**

Kế hoạch chiến lược được phổ biến rộng rãi tới toàn thể cán bộ giáo viên, CNV nhà trường, cơ quan chủ quản, PHHS, học sinh và các tổ chức cá nhân quan tâm đến nhà trường.

**II. Tổ chức**

Ban chỉ đạo thực hiện kế hoạch chiến lược là bộ phận chịu trách nhiệm điều phối quá trình triển khai kế hoạch chiến lược. Điều chỉnh kế hoạch chiến lược sau từng giai đoạn sát với tình hình thực tế của nhà trường.

**III. Lộ trình tiếp tục thực hiện kế hoạch chiến lược 2015-2020**

***Giai đoạn 1***: Từ 2018 đến 2019.

Ổn định quy mô phát triển, Ổn định chất lượng, hoàn thiện xây dựng giai đoạn 3 với 20 phòng học và đưa vào hoạt động dạy buổi 2 cho học sinh cuối cấp và các lớp tăng cường tiếng Anh.

***Giai đoạn 2***: Từ 2019 đến 2020.

Nâng cao chất lượng HS, tăng cường bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo và CBQL GD, hoàn thiện cơ sở vật chất theo chuẩn, giữ vững chuẩn Quốc gia, tự đánh giá kiểm định chất lượng.

**IV. Trách nhiệm**

**1. Đối với Hiệu trưởng**

Tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch chiến lược tới từng cán bộ, giáo viên, CNV nhà trường. Thành lập Ban Kiểm tra và đánh giá thực hiện kế hoạch trong từng năm học.

**2. Đối với các Phó Hiệu trưởng**

Theo nhiệm vụ được phân công, giúp Hiệu trưởng tổ chức triển khai từng phần việc cụ thể, đồng thời kiểm tra và đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch, đề xuất những giải pháp để thực hiện.

**3. Đối với tổ trưởng chuyên môn**

Tổ chức thực hiện kế hoạch trong tổ; kiểm tra đánh giá việc thực hiện kế hoạch của các thành viên. Tìm hiểu nguyên nhân, đề xuất các giải pháp để thực hiện kế hoạch.

**4. Đối với cá nhân cán bộ, giáo viên, CNV**

- Căn cứ kế hoạch chiến lược, kế hoạch năm học của nhà trường để xây dựng kế hoạch công tác cá nhân theo từng năm học.

- Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch theo từng học kỳ, năm học. Đề xuất các giải pháp để thực hiện kế hoạch.

**C. Đánh giá chung:**

1. **Ưu điểm**

Trường THCS Trịnh Hoài Đức sau 3 năm thực hiện chiến lược phát triển nhà trường, chất lượng và hiệu quả giáo dục toàn diện đã được nâng cao, đặc biệt là chất lượng giáo dục đạo đức và chất lượng văn hoá. Điều này cho thấy các hoạt động của nhà trường đã đảm bảo đi đúng hướng theo mục tiêu và chương trình hành động mà chiến lược đề ra.

1. **Tồn tại, hạn chế**

- Cơ sở vật chất của nhà trường về phòng học vẫn chưa đáp ứng đủ với tình hình học sinh với số lượng tăng theo từng năm.

- Chưa có nhiều học sinh đạt giải trong các Hội thi học sinh giỏi văn hóa, khoa học kỹ thuật cấp khu vực, quốc gia. Tỷ lệ học sinh trúng tuyển 10 các trường công lập còn chưa cao so với một số trường trong thị xã.

- Đội ngũ giáo viên chưa đáp ứng đủ về số lượng theo kế hoạch biên chế; Một số giáo viên lớn tuổi còn chưa đáp ứng tốt việc ứng dụng CNTT vào phục vụ giảng dạy, việc đổi mới phương pháp còn chậm; vẫn còn có giáo viên chưa đạt chuẩn.

1. **Bổ sung, điều chỉnh chiến lược**
	* Bổ sung vào Chiến lược phát triển của nhà trường chỉ tiêu xây dựng môi trường xanh (thay mới hệ thống cây xanh trong nhà trường hàng năm).
	* Tham mưu trang cấp, mua sắm thiết bị dạy học hiện đại phục vụ cho đổi mới chương trình giáo dục phổ thông 2018.

Trên đây là kế hoạch rà soát, bổ sung kế hoạch chiến lược giai đoạn 2015-2020 của trường THCS Trịnh Hoài Đức.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** | **HIỆU TRƯỞNG** |
| - PGD Thuận An(B/c); |  |
| - UBND phường (B/c);- BGH, Tổ CM, Đoàn thể; |  |
| - Lưu VT*.*  |  |